

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng  
Công trình: Hạ tầng khu dân cư mới (Vị trí số 1) thị trấn Nưa, huyện Triệu  
Sơn, tỉnh Thanh Hóa  
Hạng mục: Hệ thống điện sinh hoạt**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 5575/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 các khu dân cư mới tại xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 133/TĐ-KTHT ngày 11/5/2021 và UBND thị trấn Nưa tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 28/3/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư mới (Vị trí số 1) thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hạng mục hệ thống điện sinh hoạt với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Hạ tầng khu dân cư mới (Vị trí số 1) thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Hạng mục:** Hệ thống điện sinh hoạt.

**3. Loại, cấp công trình:** Công trình công nghiệp, cấp IV.

**4. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**5. Chủ đầu tư:** UBND thị trấn Nưa.

**6. Giải pháp thiết kế:**

Xây dựng mới tuyến đường dây 0,4kV cấp điện sinh hoạt cho khu dân cư mới (Vị trí số 1) thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, đấu nối từ cột số 20A TBA Tân Ninh 6.

**a) Dây dẫn:**

- Từ cột 20A đến cột 20A.17 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x120mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 522m.

- Từ cột 19A đến cột 21A căng lại cáp vặn xoắn ABC-4x95mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 80m.

- Từ cột 20A đến cột 20A.1A căng lại cáp vặn xoắn ABC-4x50mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 40m.

**b) Cột, xà, sứ, phụ kiện:**

- Cột: sử dụng loại LT 10 NPC.4.3 (18 cột) và LT 12 NPC.9.0 (4 cột).

- Móng: Móng bê tông đổ tại chỗ:

+ Các vị trí cột đôi dùng móng MT-2C(tròn).

+ Các vị trí cột đơn dùng móng MT-2(tròn).

- Phụ kiện:

+ Ghép nhôm 3 bu lông (25-150) cho các vị trí cột néo và nối lưới.

+ Tất cả các vị trí xây dựng mới đều dùng kẹp hãm phù hợp với chủng loại dây.

+ Xà, cổ dè ... đều được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

- Tiếp địa lặp lại:

+ Được bố trí tại các khoảng néo vượt đường, điểm đấu nối, rẽ nhánh, thay đổi tiết diện dây dẫn. Được thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp ký hiệu RC-2.

**c) Hệ thống công tơ:**

- Tận dụng lại hòm công tơ, hộp cầu đấu; Bổ sung gông để lắp hòm công tơ bao gom lên cột, đối với những hòm công tơ bị hỏng sẽ thay mới hòm composite và toàn bộ phụ kiện chỉ tận dụng lại đồng hồ điện tử.

- Đối với dây nguồn xuống hộp cầu đấu sẽ thay mới 5m/1hòm loại Cu/XLPE/PVC-4x50mm<sup>2</sup>;

- Dây nguồn từ hộp cầu đấu xuống hòm công tơ thay mới 8m/1 (đối với cột LT10m).

- Dây nguồn từ đường dây xuống hòm công tơ sẽ thay mới 8m/1 hòm(đối với cột LT10m).

+ Hòm công tơ H1, H2 thay mới dây Cu/XLPE/PVC-2x16mm<sup>2</sup>;

+ Hòm công tơ H4 thay mới dây Cu/XLPE/PVC-2x25mm<sup>2</sup>;

+ Hòm công tơ 3 pha thay mới dây Cu/XLPE/PVC-4x25mm<sup>2</sup>;

+ Tủ bù thay mới dây Cu/XLPE/PVC-4x35mm<sup>2</sup>;

- Sau khi di chuyển hòm công tơ sang vị trí mới sẽ có một số vị trí dây ra sau công tơ về khách hàng bị thiếu hụt do đó sẽ bổ sung (30m/1hộ).

- Thép treo dây sau công tơ sử dụng loại  $\phi 4$  (30m/1hộ).

## **7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

### **7.1. Giá trị dự toán: 755.741.000 đ.**

*(Bảy trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	603.440.000 đ
- Chi phí QLDA	15.154.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	71.463.000 đ
- Chi phí khác	29.696.000 đ
- Chi phí dự phòng	35.988.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**7.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch (được phê duyệt tại Quyết định số 5575/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện).

**8. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**9. Thời gian thực hiện:** Năm 2021.

**Điều 2.** Giao UBND thị trấn Nưa (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND thị trấn Nưa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ MỚI (VỊ TRÍ SỐ 1) THỊ TRẤN NỬA,  
HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN SINH HOẠT**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>548.581.818</b>	<b>54.858.182</b>	<b>603.440.000</b>
1	Hệ thống điện sinh hoạt	548.581.818	54.858.182	603.440.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>15.154.024</b>		<b>15.154.024</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TVĐTXD</b>	<b>64.966.505</b>	<b>6.496.650</b>	<b>71.463.155</b>
1	Khảo sát	8.967.273	896.727	9.864.000
2	Lập báo cáo KT-KT	36.754.982	3.675.498	40.430.480
3	Giám sát thi công xây dựng	19.244.250	1.924.425	21.168.675
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>27.545.642</b>	<b>2.150.191</b>	<b>29.695.833</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	143.591		143.591
2	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	3.848.850		3.848.850
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.051.296		2.051.296
4	Kiểm toán	6.909.629	690.963	7.600.592
5	Chi phí nghiệm thu đóng điện	14.592.276	1.459.228	16.051.504
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>32.812.399</b>	<b>3.175.251</b>	<b>35.987.651</b>
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+...+V)</b>	<b>689.060.389</b>	<b>66.680.274</b>	<b>755.740.663</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>755.741.000</b>

*Bảng chữ: Bảy trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng ./.*